

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *62* /STNMT-BĐTNN  
V/v Công bố Phương án tổ chức thực hiện  
việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên  
địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Quảng Bình, ngày *12* tháng 01 năm 2023

Kính gửi:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

Ngày 06/01/2023 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND Phê duyệt Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, Sở Tài nguyên và Môi trường Công bố Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Đồng thời, gửi đến UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình để biết và tổ chức thực hiện đúng quy định.

Trên cơ sở Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định; cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến công trình khai thác và hoạt động khai thác nước dưới đất theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường để phục vụ khoanh định, điều chỉnh vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi có yêu cầu; Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo Phương án đã được phê duyệt.

Sở Xây dựng căn cứ Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt, chỉ đạo các đơn vị cấp nước tổ chức thực hiện các phương án nhằm đảm bảo cung cấp nước cho các tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép khai thác nước dưới đất trong phạm vi quản lý.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt, chỉ đạo việc thực hiện các phương án để đảm bảo cung cấp nước từ mạng lưới công trình nước sạch nông thôn cho các tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép khai thác nước

dưới đất trong phạm vi quản lý. Chủ trì, phối hợp rà soát, lập danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp. Trong đó, ưu tiên sử dụng nước sạch nguồn nước mặt để cung cấp nước sạch nông thôn.

UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh thông báo đến các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất biết thực hiện đúng quy định. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc giám sát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo Phương án được UBND tỉnh phê duyệt./.

(Kính gửi kèm theo Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2023)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH QB; | (để đăng tải)
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CNTT TN và MT;
- Sở xây dựng; | (để phối hợp)
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, BĐTNN.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Quốc Việt**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20 /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 06 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế  
khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của  
Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của  
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu  
hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 5242/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của  
UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục, bản đồ khoanh vùng hạn chế và vùng  
phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
778/TTr-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án tổ chức thực hiện  
việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**Điều 2.** Giao các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ  
chức thực hiện các nội dung sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức công bố Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước  
dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng tải lên Cổng thông tin  
điện tử của tỉnh; thông báo tới các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất có công  
trình khai thác nước dưới đất thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất  
thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất thực hiện các biện pháp hạn chế khai  
thác nước dưới đất theo quy định.

c) Trên cơ sở Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước  
dưới đất, tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất. Định kỳ báo cáo  
UBND tỉnh theo quy định.



d) Định kỳ năm (05) năm một lần hoặc trong trường hợp cần thiết, thực hiện việc rà soát Phương án hạn chế khai thác nước dưới đất, trình UBND tỉnh quyết định việc điều chỉnh, bổ sung vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

đ) Yêu cầu các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất: Cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến công trình khai thác và hoạt động khai thác nước dưới đất theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường để phục vụ khoanh định, điều chỉnh vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi có yêu cầu; Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo Phương án được phê duyệt.

## 2. Sở Xây dựng:

Căn cứ Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt, chỉ đạo các đơn vị cấp nước tổ chức thực hiện các phương án nhằm đảm bảo cung cấp nước cho các tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép khai thác nước dưới đất trong phạm vi quản lý.

## 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Căn cứ Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt, chỉ đạo việc thực hiện các phương án để đảm bảo cung cấp nước từ mạng lưới công trình nước sạch nông thôn cho các tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép khai thác nước dưới đất trong phạm vi quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp rà soát, lập danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp. Trong đó, ưu tiên sử dụng nước sạch nguồn nước mặt để cung cấp nước sạch nông thôn.

## 4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Thông báo đến các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải đăng ký khai thác nước dưới đất về các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc giám sát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo Phương án được UBND tỉnh phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

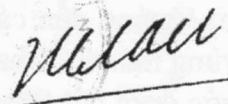
### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo QB, Đài PTTH QB;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

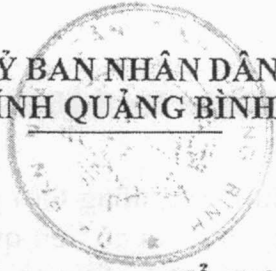
KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm





## PHƯƠNG ÁN

### Tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

## PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

### I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Quyết định số 5242/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt Danh mục, bản đồ khoanh vùng hạn chế và vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

### II. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất cho từng khu vực, từng vùng hạn chế, từng công trình khai thác nước dưới đất, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và Danh mục các vùng hạn chế và vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã được phê duyệt.

#### 2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường bảo vệ và dự trữ tài nguyên nước dưới đất.
- Khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư;
- Đảm bảo các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất không vượt quá ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước, không gây ra sụt, lún, ô nhiễm, xâm nhập mặn, cạn kiệt nguồn nước dưới đất; đồng thời phải bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan.
- Thông qua việc hạn chế khai thác nước dưới đất, thúc đẩy phát triển các dự án tái sử dụng nước thải an toàn cho môi trường.

### III. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

1. Bảo đảm yêu cầu bảo vệ nguồn nước dưới đất, đồng thời phải bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan, bao gồm cả việc bồi thường thiệt hại, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có) trong trường hợp bị thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật.

2. Tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp hạn chế khai thác được áp dụng cụ thể đối với từng vùng, từng khu vực hạn chế và thứ tự thực hiện đối với từng đối tượng, trường hợp theo quy định của Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

3. Ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai.

4. Thực hiện theo phương án, lộ trình phù hợp được phê duyệt, đảm bảo không gây gián đoạn việc cấp nước.

5. Trường hợp phát hiện việc khoan định hoặc áp dụng các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình không phù hợp với quy định thì phải tạm dừng việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất đối với các trường hợp đó để rà soát, điều chỉnh cho phù hợp; căn cứ các quy định liên quan và tùy theo tình hình thực tế, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định.

### IV. CÁC HÌNH THỨC HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

1. Hạn chế về đối tượng, mục đích khai thác;
2. Hạn chế về lưu lượng, thời gian khai thác;
3. Hạn chế về số lượng công trình, độ sâu, tầng chứa nước khai thác.

## PHẦN II

### CÁC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

#### I. PHÂN LOẠI CÁC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Theo Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (gọi tắt là vùng hạn chế) được phân ra thành 5 vùng, mỗi vùng bao gồm một hoặc một số khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất.

##### 1. Vùng hạn chế 1

- Bao gồm các khu vực quy định tại các điểm c, điểm d khoản 4 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước:

+ Khu vực có nguy cơ sụt, lún đất, xâm nhập mặn, gia tăng ô nhiễm do khai thác nước dưới đất;

+ Khu vực có nguồn nước dưới đất bị ô nhiễm hoặc có dấu hiệu ô nhiễm nhưng chưa có giải pháp công nghệ xử lý bảo đảm chất lượng.

- Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ đã cụ thể hoá Vùng hạn chế 1 bao gồm các khu vực đã xảy ra sự cố sụt, lún đất, biến dạng địa hình; khu vực có biên mặn từ 1.500 mg/l trở lên; khu vực có bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung, nghĩa trang tập trung hoặc khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất khác; khu vực có giếng khai thác nước dưới đất bị ô nhiễm, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và sinh vật mà chưa có giải pháp công nghệ để xử lý để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt.

## **2. Vùng hạn chế 2 (tỉnh Quảng Bình không có)**

- Bao gồm các khu vực quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước là khu vực có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và có nguy cơ bị hạ thấp quá mức.

- Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ đã cụ thể hoá Vùng hạn chế 2 bao gồm các khu vực có mực nước động trong giếng khai thác vượt quá mức cho phép 3 tháng liên tục (đối với giếng có giấy phép khai thác) hoặc mực nước động trong giếng khai thác (đối với giếng không có giấy phép khai thác) vượt quá mức cho phép theo quy định.

## **3. Vùng hạn chế 3**

- Bao gồm các khu vực quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước là các khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã có hệ thống cấp nước tập trung và dịch vụ cấp nước bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng.

- Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ đã cụ thể hoá Vùng hạn chế 3 bao gồm các khu dân cư, khu công nghiệp tập trung đã có hệ thống cấp nước tập trung, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước hoặc khu vực chưa được đầu nối nhưng có điểm đầu nối liền kề của hệ thống cấp nước tập trung và sẵn sàng để cung cấp nước sạch, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước.

## **4. Vùng hạn chế 4 (tỉnh Quảng Bình không có)**

- Bao gồm các khu vực quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước là khu vực có nguồn nước mặt có khả năng đáp ứng ổn định cho các nhu cầu sử dụng nước.

- Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ đã cụ thể hoá Vùng hạn chế 4 bao gồm các khu vực (không thuộc Vùng hạn chế 3)



mà cách nguồn nước mặt không vượt quá 1.000m và nguồn nước mặt đó đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định có khả năng đáp ứng ổn định cho các nhu cầu sử dụng nước.

### 5. Vùng hạn chế hỗn hợp

Các khu vực hạn chế thuộc vùng hạn chế 1, 2, 3, 4 bị chồng lấn nhau thì phần diện tích chồng lấn được xếp vào vùng hạn chế hỗn hợp.

## II. CÁC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

Các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được công bố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo Quyết định số 5242/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh được phân thành 3 vùng hạn chế khai thác nước dưới đất:

1) Vùng hạn chế 1: Có 381 khu vực, với tổng diện tích là 109,945 km<sup>2</sup>, trong đó:

- Vùng hạn chế 1A (là khu vực có biên mặn, có hàm lượng tổng chất rắn hòa tan (TDS) từ 1.500 mg/l trở lên) có 27 khu vực với tổng diện tích 72,411 km<sup>2</sup>, bao gồm: huyện Tuyên Hoá 1 vùng, Quảng Trạch 4 vùng, Bố Trạch 2 vùng, Quảng Ninh 6 vùng, Lệ Thủy 3 vùng, thị xã Ba Đồn 11 vùng.

- Vùng hạn chế 1B (là khu vực có bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung) có 8 khu vực với tổng diện tích là 1,290 km<sup>2</sup>, bao gồm: huyện Tuyên Hoá 1 vùng, Quảng Trạch 1 vùng, Minh Hoá 2 vùng, Bố Trạch 2 vùng, Quảng Ninh 1 vùng, Lệ Thủy 1 vùng.

- Vùng hạn chế 1C (là khu vực có nghĩa trang tập trung hoặc các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất) có 346 khu vực với tổng diện tích 36,244 km<sup>2</sup>, bao gồm: huyện Tuyên Hoá 71 vùng, Quảng Trạch 62 vùng, Minh Hóa 35 vùng, Bố Trạch 82 vùng, Quảng Ninh 37 vùng, Lệ Thủy 6 vùng, thị xã Ba Đồn 40 vùng và thành phố Đồng Hới 13 vùng.

2) Vùng hạn chế 3 (là khu vực đã được đầu nối hoặc chưa đầu nối nhưng có điểm đầu nối liền kề của hệ thống cấp nước tập trung và sẵn sàng để cung cấp nước sạch, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng nước): Có 68 khu vực với tổng diện tích là 429,018 km<sup>2</sup>, bao gồm: huyện Tuyên Hoá 6 vùng, Quảng Trạch 7 vùng, Minh Hoá 4 vùng, Bố Trạch 4 vùng, Quảng Ninh 9 vùng, Lệ Thủy 10 vùng, thị xã Ba Đồn 15 vùng và thành phố Đồng Hới 13 vùng.

3) Vùng hạn chế hỗn hợp (là phần chồng lấn của vùng hạn chế 1 với vùng hạn chế 3): Có 52 khu vực với tổng diện tích là 46,143 km<sup>2</sup>, bao gồm: Huyện Tuyên Hoá 5 vùng, Quảng Trạch 5 vùng, Minh Hoá 4 vùng, Bố Trạch 4 vùng, Quảng Ninh 8 vùng, Lệ Thủy 4 vùng, thị xã Ba Đồn 14 vùng và thành phố Đồng Hới 8 vùng.

**PHẦN III**  
**BIỆN PHÁP HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**I. CÁC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT HIỆN CÓ THUỘC CÁC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Danh sách các công trình khai thác nước dưới đất hiện có thuộc các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh gồm 43 giếng khoan, trong đó:

**1. Vùng hạn chế 1**

Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình hiện có 01 giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc đối tượng này (Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

**2. Vùng hạn chế 3**

Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình hiện có 43 giếng khoan, giếng đào khai thác nước dưới đất thuộc đối tượng này (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

**3. Vùng hạn chế hỗn hợp**

Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình hiện có 01 giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc đối tượng này (Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).

**II. BIỆN PHÁP HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

**1. Biện pháp hạn chế khai thác đối với Vùng hạn chế 1**

*1.1. Các biện pháp hạn chế khai thác trong Vùng hạn chế 1A:*

**1.1.1. Đối với vùng nằm trong:**

- Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

**1.1.2. Đối với vùng liền kề:**

- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.

- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:

+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai. Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ

điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

### 1.2. Các biện pháp hạn chế khai thác trong Vùng hạn chế 1B:

#### 1.2.1. Đối với vùng nằm trong:

- Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

#### 1.2.2. Đối với vùng liền kề:

- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.

- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:

+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

### 1.3. Các biện pháp hạn chế khai thác trong Vùng hạn chế 1C:

#### 1.3.1 Đối với vùng nằm trong:

- Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

#### 1.3.2. Đối với vùng liền kề:

- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.

- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:

+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.



+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

## **2. Biện pháp hạn chế khai thác đối với Vùng hạn chế 3**

- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.

- Đối với công trình không có giấy phép thì dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai. Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Đối với công trình đã có giấy phép thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

## **3. Biện pháp hạn chế khai thác đối với Vùng hạn chế hỗn hợp**

3.1. Đối với khu vực trong phạm vi có TDS từ 1500 mg/l trở lên; trong phạm vi quy hoạch bãi rác, nghĩa trang:

- Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

3.2. Đối với khu vực liền kề khu vực có TDS từ 1500 mg/l trở lên; khu vực quy hoạch bãi rác, nghĩa trang; khu vực quy hoạch công trình cấp nước.

- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.

- Đối với công trình khai thác nước dưới đất hiện có:

+ Công trình không có giấy phép: Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trừ trường hợp công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai: Trường hợp này được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

+ Công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép. Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình khai thác ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.



**PHẦN IV**  
**KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN TỪNG BIỆN PHÁP**  
**HẠN CHẾ KHAI THÁC ĐỐI VỚI TỪNG CÔNG TRÌNH**

**I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TỪNG BIỆN PHÁP HẠN CHẾ KHAI THÁC ĐỐI VỚI TỪNG CÔNG TRÌNH**

TT	Hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
<b>I</b>	<b>Đối với các công trình có giấy phép</b>		
<b>1</b>	<b>Vùng hạn chế 1</b>		
a	Thông báo biện pháp hạn chế khai thác đối với từng công trình khai thác nước dưới đất và thời gian áp dụng đến các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác
b	Thực hiện biện pháp hạn chế khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất	Chủ giấy phép	- Sở Tài nguyên và Môi trường; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác
c	Kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác
d	Đánh giá kết quả thực hiện hoặc xử lý vi phạm (nếu có)	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác
<b>2</b>	<b>Vùng hạn chế 3</b>		
a	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về tài nguyên nước của chủ giấy phép trong quá trình tổ chức, cá nhân tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Cục Thuế tỉnh; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác

*Handwritten mark*

b	Khuyến khích chủ giấy phép thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác phù hợp đối với công trình khai thác nước dưới đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác
c	Thực hiện biện pháp hạn chế khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất theo cam kết	Chủ giấy phép	- Sở Tài nguyên và Môi trường; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác
d	Xem xét xử lý cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình
đ	Đánh giá kết quả thực hiện hoặc xử lý vi phạm (nếu có)	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác
<b>3</b>	<b>Vùng hạn chế hỗn hợp</b>		
a	Thông báo biện pháp hạn chế khai thác đối với từng công trình khai thác nước dưới đất và thời gian áp dụng đến các tổ chức/cá nhân có hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác
b	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để giám sát các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác
<b>II</b>	<b>Đối với công trình không có giấy phép</b>		
<b>1</b>	<b>Vùng hạn chế 1</b>		
a	Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật	Các tổ chức có thẩm quyền theo quy định	
b	Dừng hoạt động khai thác nước dưới đất trái phép		



c	Thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng (trừ các trường hợp khai thác nước dưới đất để cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai)	Các tổ chức/cá nhân khai thác nước dưới đất	
d	Rà soát các công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai, thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép để yêu cầu thực hiện các thủ tục cấp giấy phép (nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật).	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác	Sở Tài nguyên và Môi trường
<b>2</b>	<b>Vùng hạn chế 3</b>		
a	Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật	Các tổ chức có thẩm quyền theo quy định	
b	Dừng hoạt động khai thác nước dưới đất trái phép		
c	Thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng (trừ các trường hợp khai thác nước dưới đất để cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai)	Các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất	
d	Rà soát các công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai, thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép để yêu cầu thực hiện các thủ tục cấp giấy phép (nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật).	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác	Sở Tài nguyên và Môi trường



<b>3</b>	<b>Vùng hạn chế hôn hợp</b>		
a	Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật	Các tổ chức có thẩm quyền theo quy định	
b	Dừng hoạt động khai thác nước dưới đất trái phép		
c	Thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng (trừ các trường hợp khai thác nước dưới đất để cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai)	Các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất	
d	Rà soát các công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai, thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép để yêu cầu thực hiện các thủ tục cấp giấy phép (nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật).	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn nơi có công trình khai thác	Sở Tài nguyên và Môi trường

## II. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VIỆC HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

### 1. Lộ trình xây dựng phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, trình phê duyệt và công bố

- Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Phương án để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước trong Phương án.

- Các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước đã được cấp giấy phép có ý kiến cụ thể về biện pháp áp dụng và kế hoạch, lộ trình thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản về biện pháp áp dụng và kế hoạch, lộ trình thực hiện và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp;

- Căn cứ ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, hoàn chỉnh Phương án trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của Nghị định số 167/2018/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan, đồng thời đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và

✍





Phụ lục 1

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG HẠN CHẾ 1 VÀ BIỆN PHÁP, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VIỆC HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Số hiệu giếng	Toạ độ VN2000		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m <sup>3</sup> /ngày)	Số giấy phép	Ngày, tháng, năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp và lộ trình thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất
		X(m)	Y(m)	Xã/phường	Huyện, TX, TP								
1	GK1	1936.553	561.597	Lộc Ninh	Đồng Hới	n	28	25	Số 276/GP-STNMT	12/4/2021	5	Công ty TNHH Kaolin Quảng Bình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định.</li> <li>- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, chủ giếng phải hoàn thành việc trám lấp giếng và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thi công trám lấp giếng.</li> </ul>

Phụ lục 2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG HẠN CHẾ 3 VÀ BIỆN PHÁP, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VIỆC HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m <sup>3</sup> /ngày)	Số giấy phép	Ngày, tháng, năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp và lộ trình thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất
		X(m)	Y(m)	Xã/ phường	Huyện, TX, TP								
1	GK1	1936.417	668.200	Lộc Ninh	Đông Hới	n	46		Số 932/QĐ-UBND	07/5/2009	15	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Kim Cương	- Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép
2	GK2	1936.415	668.252	Lộc Ninh	Đông Hới	n	76	40	Số 1033/QĐ-UBND	18/5/2009	15	Công ty TNHH Vương Thuận	- Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép
3	GK1	1936.793	667.959	Lộc Ninh	Đông Hới	n	30	5	Số 1207/QĐ-UBND	25/6/2009	15	Công ty CP KD Dầu khí Quảng Bình	- Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép
4	GK2	1936.807	667.949	Lộc Ninh	Đông Hới	n	30	8	Số 1931/QĐ-UBND	13/8/2013	10	Công ty CP Địa chất	- Trường hợp tổ chức, cá nhân cam kết tự nguyện thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất thì lộ trình thực hiện theo đề xuất của chủ giấy phép.
5	GK1	1934.456	561.154	Bắc Lý	Đông Hới	n	11	10	Số 276/GP-STNMT	12/4/2021	5	Công ty TNHH Kaolin Quảng Bình	- Trường hợp tổ chức, cá nhân cam kết tự nguyện thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất thì lộ trình thực hiện theo đề xuất của chủ giấy phép.
6	GĐ1	1936.250	560.656	Lộc Ninh	Đông Hới	n	6	50	Số 383/GP-STNMT	25/12/2017	5	Công ty CP SXVLXD Nguyễn Anh II	- Trường hợp tổ chức, cá nhân cam kết tự nguyện thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất thì lộ trình thực hiện theo đề xuất của chủ giấy phép.
7	GK1	1936.553	561.597	Lộc Ninh	Đông Hới	n	28	60	Số 392/GP-STNMT	01/10/2018	5	Công ty TNHH Bé tông Hưng Vương	- Trường hợp tổ chức, cá nhân cam kết tự nguyện thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất thì lộ trình thực hiện theo đề xuất của chủ giấy phép.
8	GK2	1936.442	561.779	Lộc Ninh	Đông Hới	n	28	50	Số 276/GP-STNMT	12/4/2021	5	Công ty CP SXVLXD Nguyễn Anh II	- Trường hợp tổ chức, cá nhân cam kết tự nguyện thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất thì lộ trình thực hiện theo đề xuất của chủ giấy phép.
9	GK1	1934.599	559.196	Thuận Đức	Đông Hới	n	43	60	Số 383/GP-STNMT	25/12/2017	5	Công ty CP SXVLXD Nguyễn Anh II	- Trường hợp tổ chức, cá nhân cam kết tự nguyện thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất thì lộ trình thực hiện theo đề xuất của chủ giấy phép.
10	GK2	1934.552	559.239	Thuận Đức	Đông Hới	n	47	60	Số 383/GP-STNMT	25/12/2017	5	Công ty CP SXVLXD Nguyễn Anh II	- Trường hợp tổ chức, cá nhân cam kết tự nguyện thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất thì lộ trình thực hiện theo đề xuất của chủ giấy phép.
11	GK	1934.030	561.425	Bắc Lý	Đông Hới	n	38	50	Số 392/GP-STNMT	01/10/2018	5	Công ty TNHH Bé tông Hưng Vương	- Trường hợp tổ chức, cá nhân cam kết tự nguyện thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất thì lộ trình thực hiện theo đề xuất của chủ giấy phép.

12	GK1	1904.894	583.432	TT Kiên Giang	Lê Thủy	qh	37	70	Số 2812/QĐ-UBND	11/11/2013	10	Bệnh viện Đa khoa Lê Thủy
13	GK1	1956.991	550.173	Thanh Trách	Bồ Trách	qh	12	10	Số 914/GP-STNMT	27/12/2019	5	Hộ Nguyễn Việt Trung
14	GK2	1956.998	550.157	Thanh Trách	Bồ Trách	qh	12					
15	TT-01	1954.541	553.410	Thanh Trách	Bồ Trách	qh	18	300	Số 457/GP-STNMT	24/5/2021	5	Công ty CP Việt Thiên Bình
16	TT-02	1954.577	553.391	Thanh Trách	Bồ Trách	qh	16					
17	TT-03	1954.623	553.384	Thanh Trách	Bồ Trách	qh	18					
18	GK1	1935.201	559.935	Lộc Ninh	Đồng Hới	n	65					
19	GK2	1935.228	559.896	Lộc Ninh	Đồng Hới	n	68					
20	GK3	1935.180	559.856	Lộc Ninh	Đồng Hới	n	57	40	Số 1082/GP-STNMT	31/12/2021	5	Công ty TNHH thương mại Trường Sinh
21	GK4	1935.301	559.826	Lộc Ninh	Đồng Hới	n	73					
22	G1	1964.525	544.444	Quảng Long	TX Ba Đồn	qh	61	950	Số 108/GP-STNMT	25/02/2022	5	Công ty CP Cấp nước QB
23	G2	1965.249	543.342	Quảng Long	TX Ba Đồn	qh	61					
24	GK1	1956.327	551.991	Thanh Trách	Bồ Trách	qh	30					
25	GK2	1956.335	551.987	Thanh Trách	Bồ Trách	qh	30	160	Số 567/GP-STNMT	17/6/2021	5	Công ty CP Thủy sản Năm Sao
26	GK3	1956.335	551.990	Thanh Trách	Bồ Trách	qh	30					
27	GK4	1956.330	551.991	Thanh Trách	Bồ Trách	qh	30					
28	GK1	1964.510	529.938	Văn Hóa	Tuyên Hóa	qh	32	750	Số 189/QĐ-UBND	26/01/2011	15	Công ty TNHH Vật liệu XD Việt Nam
29	GK2	1964.523	529.673	Văn Hóa	Tuyên Hóa	qh	97					





Phụ lục 3

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG HẠN CHẾ HỖN HỢP VÀ BIỆN PHÁP, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VIỆC HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN 2000			Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m <sup>3</sup> /ngày)	Số giấy phép	Ngày, tháng, năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp và lộ trình thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất
		X(m)	Y(m)	Xã/phường	Huyện, TX, TP									
1	GK1	1936.553	561.597	Lộc Ninh	Đồng Hới	n	28	25	Số 276/GP-STNMT	12/4/2021	5	Công ty TNHH Kaolin Quảng Bình	-Dừng hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định. - Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, chủ giếng phải hoàn thành việc trám lấp giếng và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thi công trám lấp giếng.	

4